

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (CID)

CTCP Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng

Ngày 29/12/2023	10,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	24.7%	12.8%	20.5%

DT thuần
2023

5.21

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.56| 12.0%

LN thuần
2023

2.58

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.79| 44.7%

LN sau thuế
2023

2.06

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.64| 45.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2023

49.6%

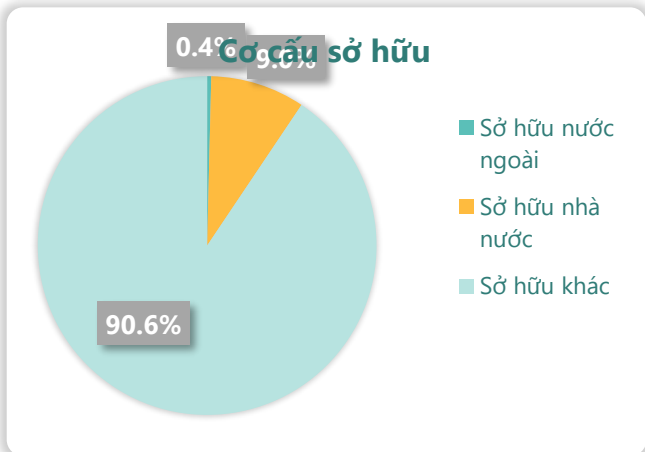
YoY: +/-▲ 11.4%

ROE
2023

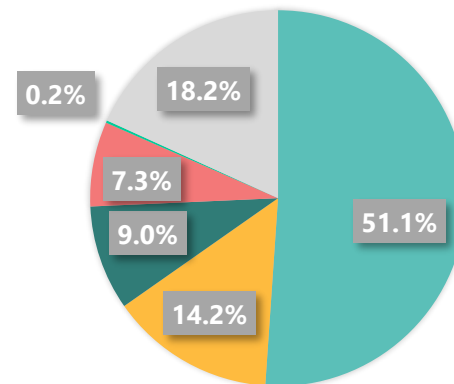
16.5%

YoY: +/-▲ 3.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 11,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10
Số lượng CPLH (CP)	928,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	170
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.86
EPS	
P/E	

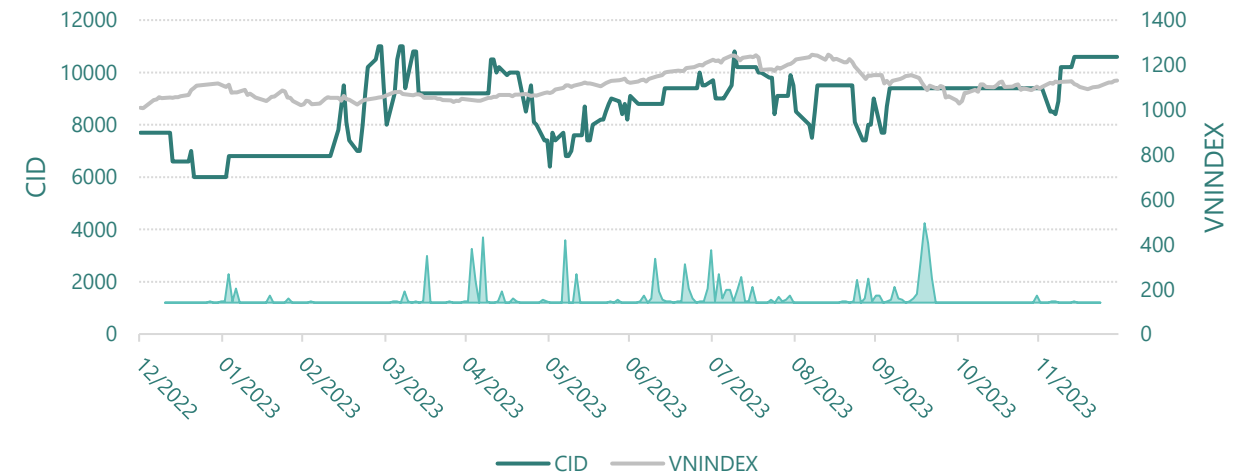


Cơ cấu cổ đông



- Trần Duy Hải (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Xây dựng và Phát triển Cơ sở Hạ tầng
- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
- Trần Hải Nguyên Long (Thành viên HĐQT)
- Trần Quốc Điền (Trưởng ban kiểm soát)

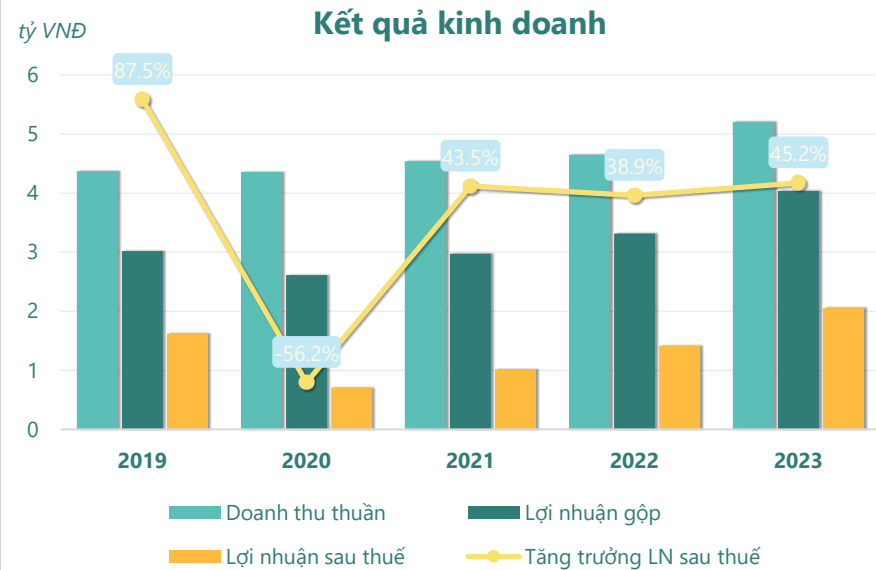
Lịch sử giá



Kết quả kinh doanh **CID** năm **2023**, doanh thu thuần **tăng mạnh 12.0%** đạt **5.21** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 45.2%** đạt **2.06** tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **16.5%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

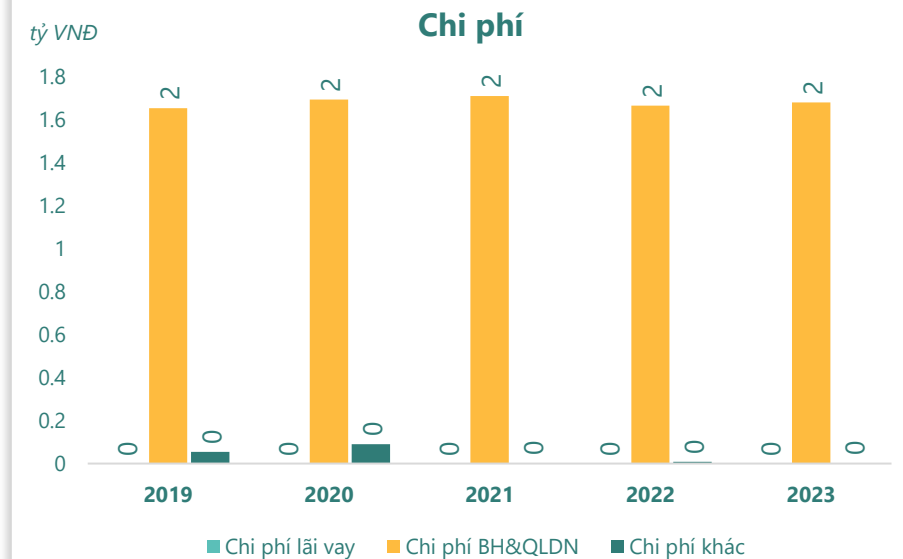
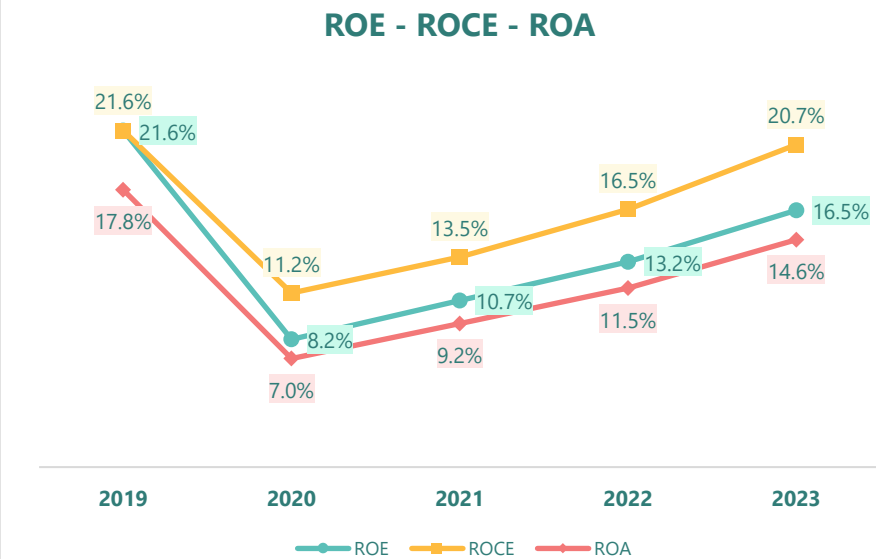
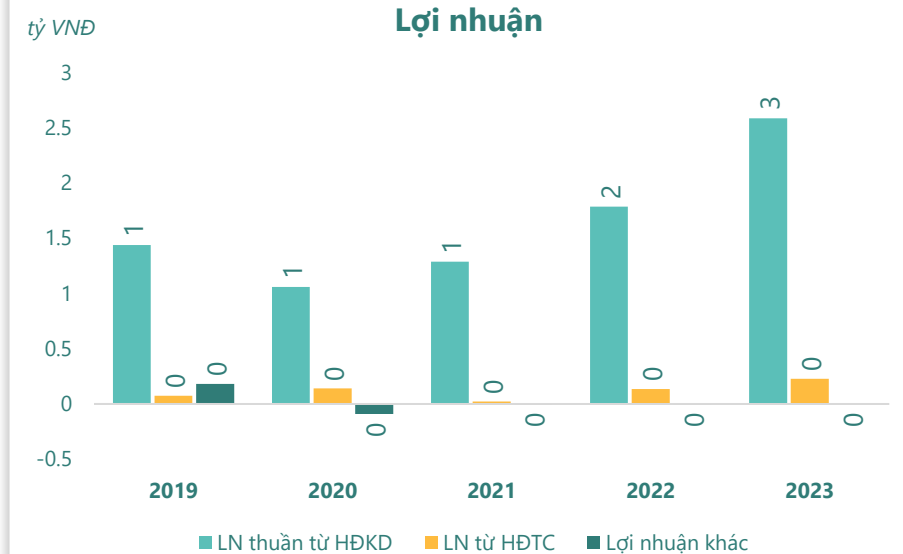
KẾT QUẢ KINH DOANH



Năm **2023**, CID có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **2.58** tỷ đồng, **tăng lên 0.80** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (1.63 tỷ đồng) là 0.95 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **1.68** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.00** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

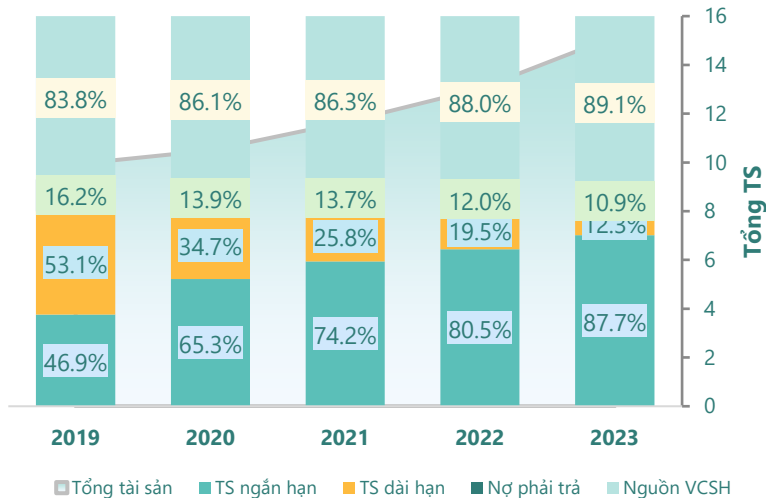
ROE của CID năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **16.5%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

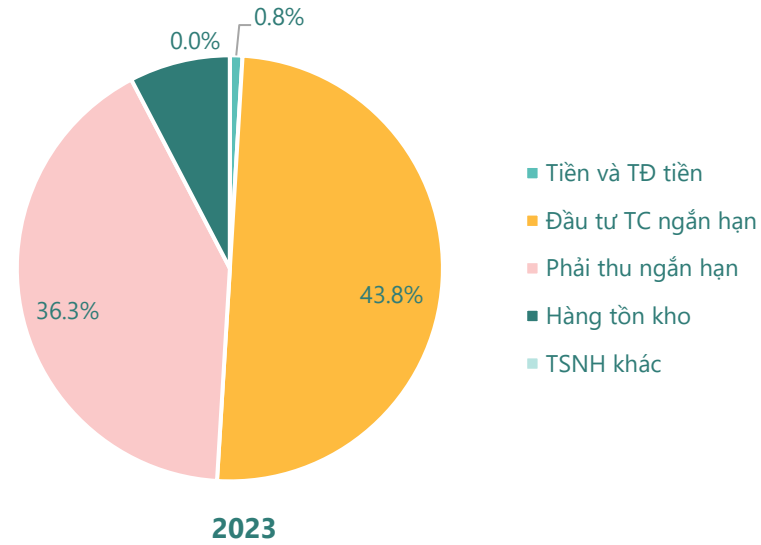
tỷ VNĐ



Tổng tài sản của **CID** năm 2023 tăng trưởng **16.4%** so với năm trước, đạt **15.17** tỷ đồng. Trong đó, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn trong Tổng tài sản là 87.7%, lớn hơn tài sản dài hạn. Với cơ cấu Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng là 89.1%, cao hơn nợ phải trả.

Cần phân tích cụ thể sự thay đổi giá trị cũng như cơ cấu tổng tài sản những năm gần đây.

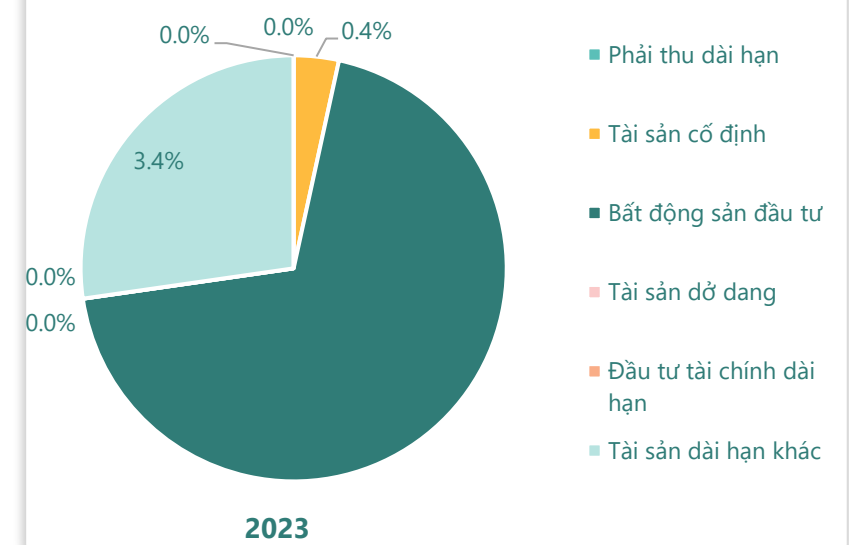
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tài sản ngắn hạn năm 2023 của CID đạt **13.30** tỷ đồng, tăng trưởng **26.8%** so với năm trước. Cùng với đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên so với năm trước chiếm **87.7%** tổng tài sản. Trong đó, **đầu tư tài chính ngắn hạn** chiếm tỷ trọng lớn nhất **43.8%**, tiếp đến là phải thu ngắn hạn chiếm 36.3% trên tổng tài sản.

Phân tích cơ cấu tài sản ngắn hạn giúp đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn và mức độ cân đối trong cấu trúc tài sản.

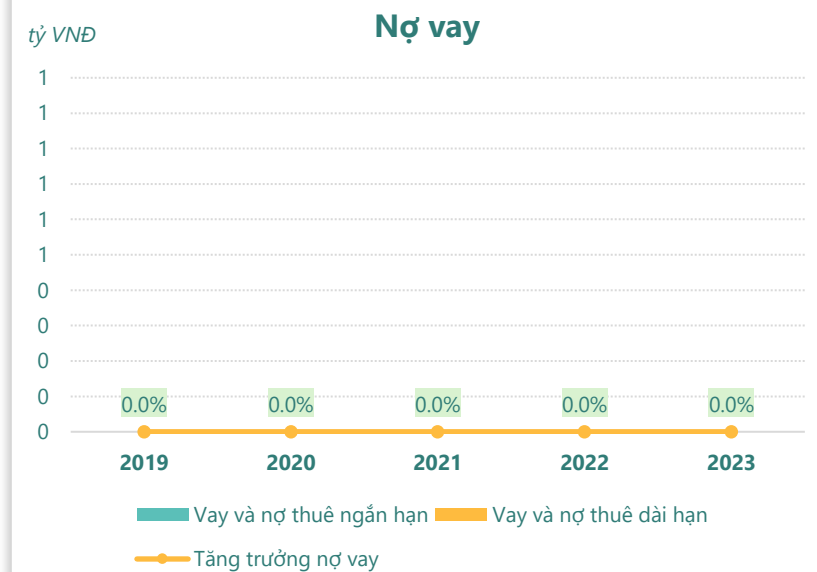
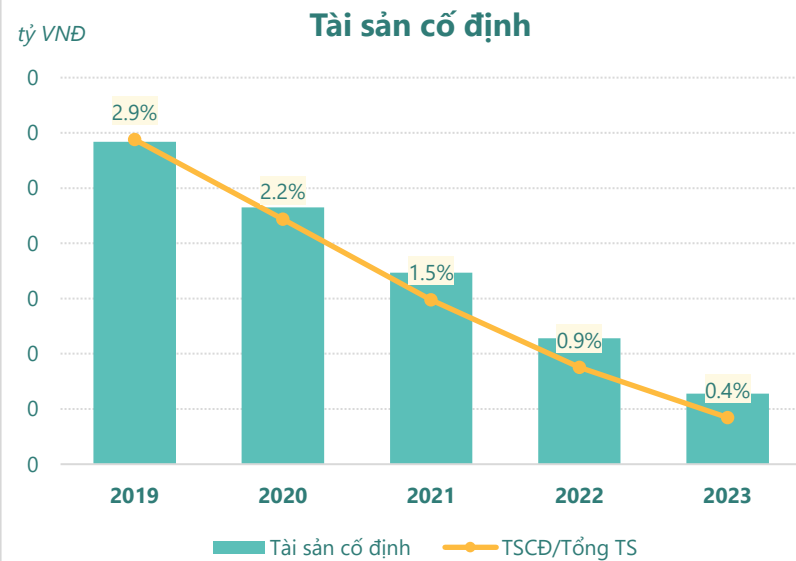
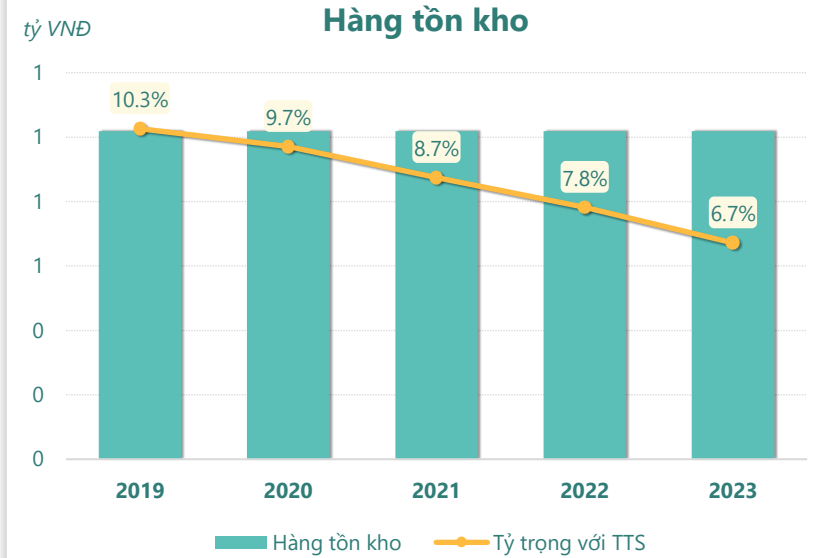
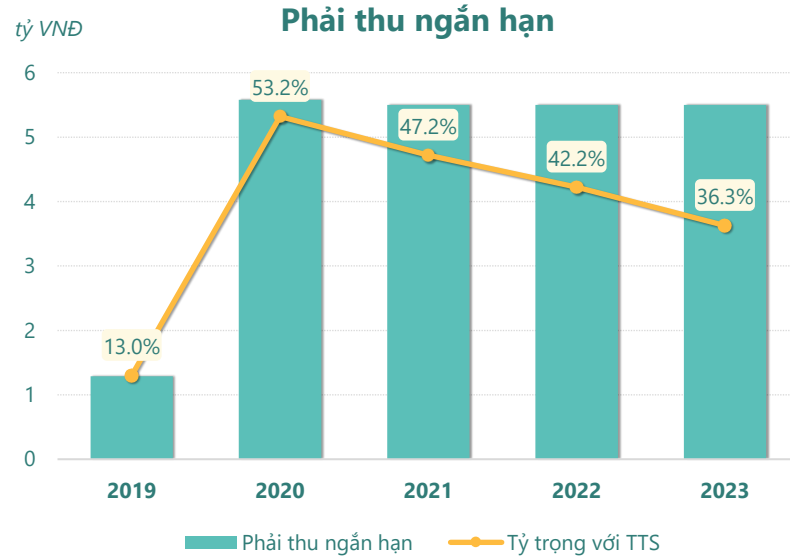
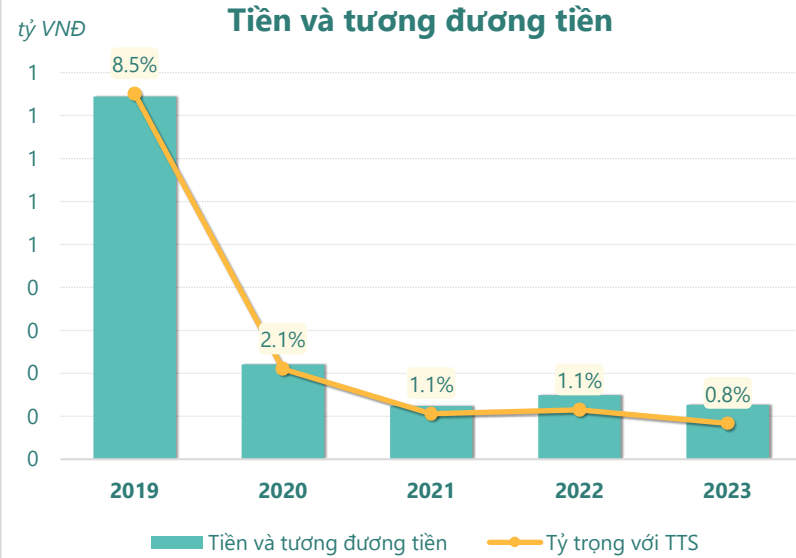
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



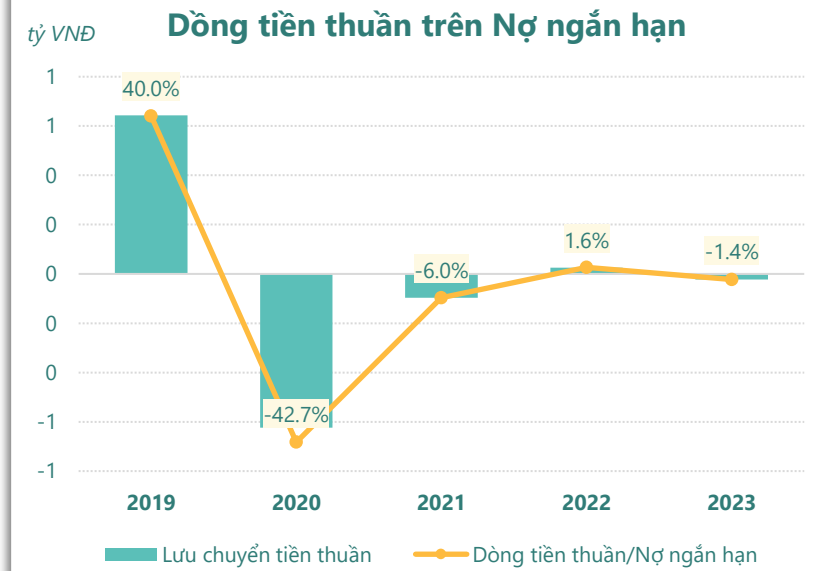
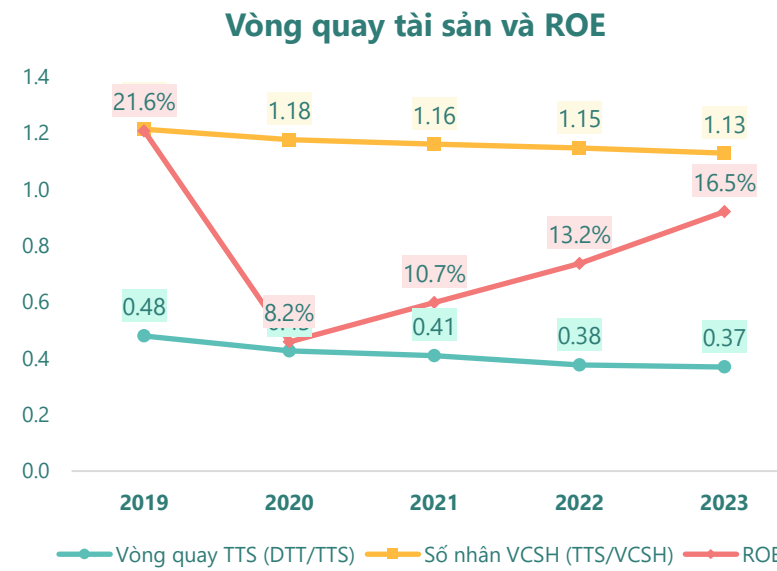
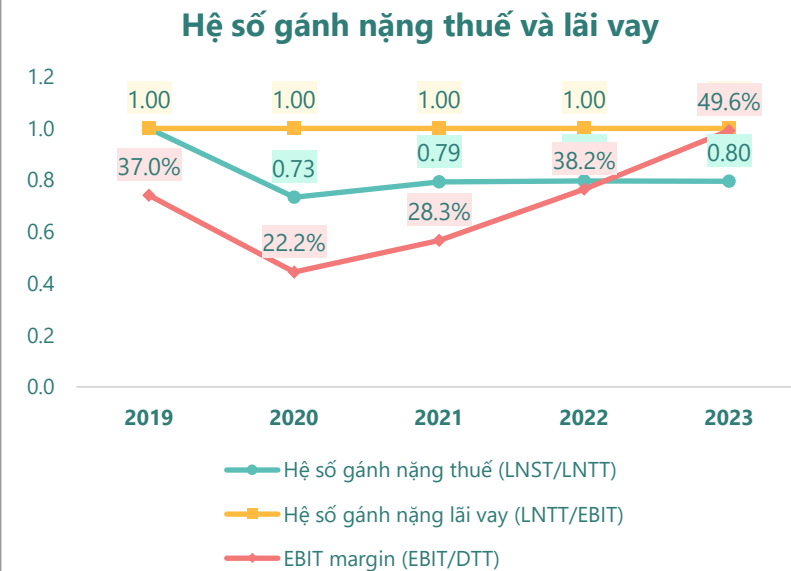
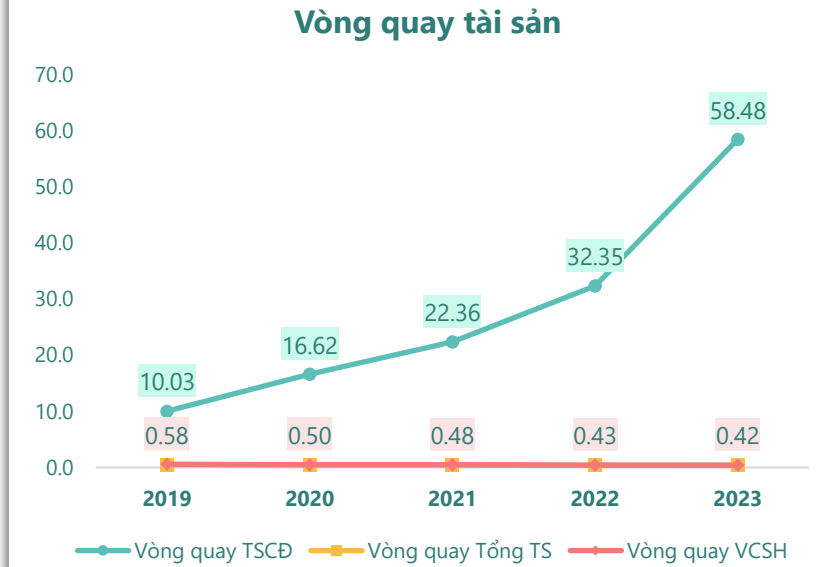
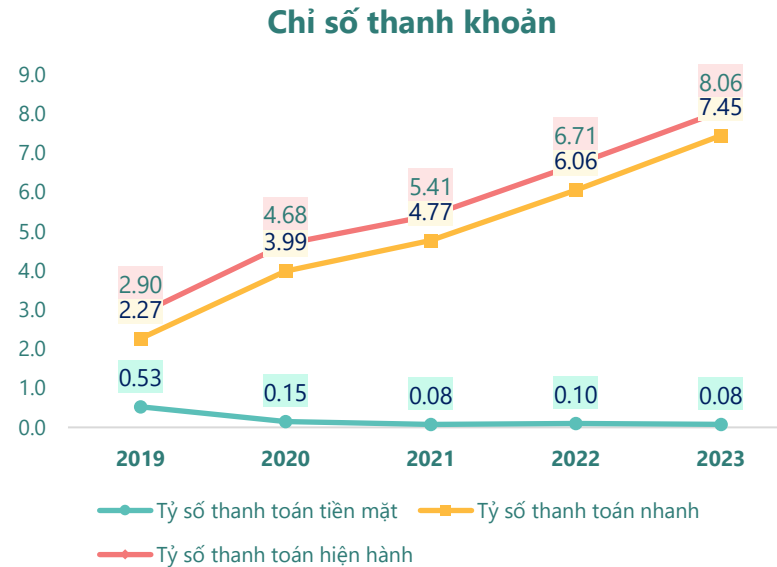
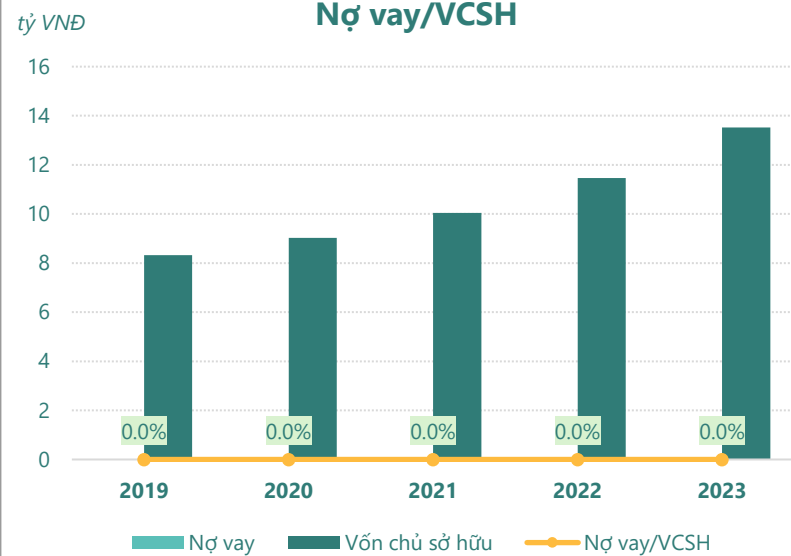
Tài sản dài hạn đạt **1.87** tỷ đồng giảm **26.4%** so với năm trước. Dẫn đến, tỷ trọng trên tổng tài sản giảm còn **12.3%**. Trong đó **bất động sản đầu tư** chiếm cao nhất **8.55%**, sau đó là tài sản dài hạn khác chiếm 3.37%.

Phân tích cơ cấu tài sản dài hạn giúp đánh giá khả năng sinh lợi dài hạn, khả năng chi trả nợ dài hạn và khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông. Cần đánh giá tổng quan với các doanh nghiệp cùng ngành để đưa ra kết luận tốt hơn.

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	4.36	4.54	4.65	5.21
Giá vốn hàng bán	1.74	1.56	1.33	1.17
Lợi nhuận gộp	2.61	2.98	3.32	4.04
Doanh thu HĐTC	0.14	0.02	0.13	0.23
Chi phí TC	0.00	0.00	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.70	1.71	1.67	1.68
LN thuần từ HĐKD	1.06	1.29	1.79	2.58
Lợi nhuận khác	-0.09	0.00	-0.01	0.00
LN trước thuế	0.97	1.28	1.78	2.58
Lợi nhuận sau thuế	0.71	1.02	1.42	2.06
LNST của CĐ cty mẹ	0.71	1.02	1.42	2.06

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.56	1.88	1.69	2.60
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.19	-1.98	-1.67	-2.62
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.84	0.22	0.12	0.15
Lưu chuyển tiền thuần	-0.62	-0.10	0.03	-0.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	0.22	0.12	0.15	0.13

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	10.5	11.6	13.0	15.2
Tài sản ngắn hạn	6.85	8.65	10.5	13.3
Tiền và tương đương tiền	0.22	0.12	0.15	0.13
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.00	3.80	6.65
Phải thu ngắn hạn	5.58	5.50	5.50	5.50
Hàng tồn kho	1.02	1.02	1.02	1.02
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.01	0.01	0
Tài sản dài hạn	3.64	3.00	2.54	1.87
Phải thu dài hạn	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.23	0.17	0.11	0.06
Bất động sản đầu tư	2.02	1.78	1.54	1.30
Tài sản dở dang	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.39	1.05	0.89	0.51
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
Nợ phải trả	1.46	1.60	1.56	1.65
Nợ ngắn hạn	1.46	1.60	1.56	1.65
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	9.03	10.0	11.5	13.5
Vốn chủ sở hữu	9.03	10.0	11.5	13.5
Vốn điều lệ	10.8	10.8	10.8	10.8
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0